

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 10/01/2023  
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Lý

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hoàng Thị Thuý

2. Bà Trịnh Thị Phương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hương - Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Châm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/12/2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Thôn X, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang

**Bị đơn:** Anh Lê Xuân H, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa vắng mặt chị N, anh H (chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:**

**- Về hôn nhân:** Chị và anh Lê Xuân H kết hôn với nhau trên cơ sở hai bên tự nguyện, tự do tìm hiểu. Tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá ngày 11/3/2021.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, không có tiếng nói chung. Mặt khác anh H không chịu khó làm ăn. Chị đã khuyên bảo nhiều lần anh H không nghe dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng càng tăng nhất từ tháng 9/2021, anh H đã bỏ về quê nội Thanh Hóa ở, vợ chồng đã

sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

- *Về con chung*: Vợ chồng chưa có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản và công nợ*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Đối với bị đơn, anh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng; tuy nhiên anh H không đến Tòa án để làm bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/11/2022 của bà Lê Thị Đ (mẹ anh H) trình bày:*

Bà là mẹ đẻ của anh Lê Xuân H ở thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Đầu năm 2021 con trai bà kết hôn với chị Nguyễn Thị N ở xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ngày 11/3/2021.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh, chị làm ăn sinh sống tại Bắc Giang được 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh, chị như thế nào thì bà không nắm được, chỉ biết anh H bỏ về gia đình bà ở, sau đó anh H đi làm ăn thỉnh thoảng mới về nhà. Bà có hỏi anh H nguyên nhân vì sao dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Anh H nói do tính tình không hợp, không có tiếng nói chung nên chị N đã đuổi anh H đi. Nay chị N làm đơn xin ly hôn anh H tại tòa án thì về tình cảm của anh, chị như thế nào thì anh, chị tự quyết định, bà không can thiệp. Đề nghị tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

- *Về con chung*: Anh, chị chưa có con chung, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản và công nợ*: Bà không nắm được anh, chị có những tài sản chung gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hiện tại anh H không có nhà, bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của tòa án, bà đã thông báo lại cho anh H và giao lại giấy tờ cho anh H biết. Anh H đã nhận các giấy tờ của Tòa án. Anh H đồng ý ly hôn với chị N nhưng anh không đến Tòa án để làm việc. Anh đề nghị tòa án giải quyết ly hôn cho anh và chị N.

\**Thu thập chứng cứ tại địa phương*: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Xuân H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá. Sau khi kết hôn anh H, chị N không sinh sống tại địa phương. Tháng 9/2021 anh H về địa phương sống cùng với mẹ đẻ là bà Lê Thị Đ. Quá trình vợ chồng anh chị chung sống mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được vì anh, chị không báo cáo chính quyền địa phương. Về con chung: Hiện tại anh H, chị N chưa có con chung. Nay chị N xin ly hôn anh H, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

*\*Thu thập chứng cứ tại Công an xã Quảng Bình: Anh Lê Xuân H, sinh năm 1993, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Thỉnh thoảng anh H có đi làm ăn xa rồi về ở cùng với mẹ đẻ là bà Lê Thị Đ.*

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn anh Lê Xuân H không chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 56; Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Lê Xuân H. Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung, không yêu cầu giải quyết. đề nghị HĐXX không xem xét. Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu giải quyết, đề nghị HĐXX không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]*Về tố tụng:* Anh Lê Xuân H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Chị N khởi kiện xin ly hôn anh H tại Tòa án. Đây là quan hệ “Ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa là đúng theo Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật; tuy nhiên, chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 1, Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]*Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Xuân H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ngày 11/3/2021 là Hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị N là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống. Mặt khác anh H không chịu khó làm ăn. Chị đã khuyên bảo nhiều lần anh H không nghe dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng càng tăng nhất từ tháng 9/2021, anh H đã bỏ về quê nội Thanh Hóa ở. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tổng đạt các thủ tục tố tụng dân sự theo quy định của pháp luật cho bị đơn; tuy nhiên anh H cố tình không đến Tòa án để làm việc, chứng tỏ rằng anh không muốn níu kéo tình cảm giữa vợ, chồng.

Xét thấy, tình cảm giữa vợ chồng anh, chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác anh, chị đã không còn chung sống với nhau một thời gian dài từ tháng 9/2021 đến nay. Do đó HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N.

[3]*Về con chung*: Vợ chồng chưa có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4]*Về tài sản và công nợ*: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]*Về án phí*: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 6; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 2 Điều 21; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1, Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 278; Khoản 1 Điều 280 của BLTTDS.

Điều 6; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị N

**Xử:**

1. *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Lê Xuân H

2. *Về con chung*: Anh, chị chưa có con chung, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

3. *Về tài sản và công nợ*: Chị N không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị N phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đồng, theo biên lai thu số 9556 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Chị N đã nộp đủ án phí.

Chị N, anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND H.Quảng Xương;
- UBND xã Q, huyện Q;
- TAND tỉnh Thanh Hóa ;
- Chi cục THADS H.Quảng Xương;
- Lưu Hồ sơ./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Thị Lý**